

<p>106. Kinh Bất Động Lợi Ích</p>	<p>106. The Way to the Imperturbable (Āneñjasappāya Sutta)</p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: Bhikkhu Bodhi)</p>
<p>106. Kinh Bất động lợi ích (P. <i>Āneñjasappāyasuttaṃ</i>, H. 不動利益經) tương đương <i>Tịnh bất động đạo kinh</i>.¹⁰⁴ Khẳng định rằng tham dục, về bản chất là vô thường, trống rỗng, kéo theo hệ lụy, đức Phật hướng dẫn kỹ năng sống bất động trước cảnh trong hiện tại như sau: (i) Tâm quảng đại; (ii) Không chấp dính thế giới vật chất nhờ thấy rõ tính tổ hợp 4 đại của chúng; (iii) Thường quán tưởng Vô sở hữu xứ; (iv) Thực tập tâm Vô sở hữu xứ; (v) Thực tập buông xả và không chấp vào xả.</p>	<p>106. Āneñjasappāya Sutta: The Way to the Imperturbable. The Buddha explains the approaches to various levels of higher meditative states culminating in Nibbāna.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p>	<p>English Translation from Pāli: Bhikkhu Ñāṇamoli & Bhikkhu Bodhi</p>
<p>Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru (Câu-lâu). Kammāsadhamma (Kiềm-ma-sát-đàm) là thị trấn của dân chúng Kuru. Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". -- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: -- Này các Tỷ-kheo, các dục là vô thường, trống rỗng, giả dối, thuộc ngu si tánh. Này các Tỷ-kheo, đây là lời chào xáo của kẻ ngu xây dựng trên giả dối. Các dục hiện tại, và các dục tương lai, các dục tưởng hiện tại và các dục tưởng tương lai, cả hai đều thuộc lãnh vực của ma, là cảnh giới của ma, là chỗ dinh dưỡng của ma, là chỗ ăn uống của ma.</p>	<p>1. THUS HAVE I HEARD.¹⁰⁰⁷ On one occasion the Blessed One was living in the Kuru country where there was a town of the Kurus named Kammāsadhamma. There the Blessed One addressed the bhikkhus thus: "Bhikkhus." — "Venerable sir," they replied. The Blessed One said this: 2. "Bhikkhus, sensual pleasures¹⁰⁰⁸ are impermanent, hollow, false, deceptive; they are illusory, the prattle of fools. Sensual pleasures here and now and sensual pleasures in lives to come, [262] sensual perceptions here and now and sensual perceptions in lives to come — both alike are Māra's realm, Māra's domain, Māra's bait, Māra's hunting ground.</p>

Bất động

Ở đây, các ác bất thiện ý này dẫn đến tham dục, sân hận, khích động, và chính những pháp ấy tác thành chương ngại ở đây cho Thánh đệ tử học tập.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Các dục hiện tại và các dục tương lai... cho Thánh đệ tử học tập. Vậy ta hãy an trú với tâm quảng đại, đại hành, sau khi chiến thắng thế giới, sau khi xác định vị trí của ý.

Khi ta an trú với tâm quảng đại, đại hành chiến thắng thế giới, xác định vị trí của ý, các ác bất thiện ý: tham dục, sân hận, khích động sẽ không khởi lên; với các pháp ấy được đoạn trừ, tâm của ta không trở thành hạn hẹp, trái lại thành vô lượng, khéo tu tập".

Trong khi ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó). Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu bất động ngay hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ.

Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến (*saṃvattanikam viññāṇam*) có thể tùy theo đây đạt đến Bất động.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích Bất động".

On account of them, these evil unwholesome mental states such as covetousness, ill will, and presumption arise, and they constitute an obstruction to a noble disciple in training here.

(THE IMPERTURBABLE)

3. "Therein, bhikkhus, a noble disciple considers thus: 'Sensual pleasures here and now and sensual pleasures in lives to come... constitute an obstruction to a noble disciple in training here.

Suppose I were to abide with a mind abundant and exalted, having transcended the world and made a firm determination with the mind.¹⁰⁰⁹

When I do so, there will be no more evil unwholesome mental states such as covetousness, ill will, and presumption in me, and with the abandoning of them my mind will be unlimited, immeasurable, and well developed.'

When he practises in this way and frequently abides thus, his mind acquires confidence in this base.¹⁰¹⁰ Once there is full confidence, he either attains to the imperturbable now or else he resolves [upon it] with wisdom.

On the dissolution of the body, after death, it is possible that the evolving consciousness may pass on [to rebirth] in the imperturbable.¹⁰¹¹

This, bhikkhus, is declared to be the first way directed to the imperturbable.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại, và những dục tưởng tương lai, phàm bất cứ sắc pháp gì, là bốn đại chủng và sắc do bốn đại tạo thành".

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó).

Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Bất động ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ.

Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Bất động.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo về lợi ích Bất động.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những sắc tưởng hiện tại và những sắc tưởng tương lai, cả hai đều vô thường.

Cái gì vô thường thời không đáng để được hoan hỷ, không đáng để được hoan nghênh, không đáng để được chấp trước".

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó).

Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Bất động ngay trong hiện

4. "Again, bhikkhus, a noble disciple considers thus:¹⁰¹² '[There are] sensual pleasures here and now and sensual pleasures in lives to come, sensual perceptions here and now and sensual perceptions in lives to come; whatever material form [there is], all material form is the four great elements and the material form derived from the four great elements.'

When he practises in this way and frequently abides thus, his mind acquires confidence in this base.

Once there is full confidence, he either attains to the imperturbable now or else he resolves [upon it] with wisdom.

On the dissolution of the body, after death, it is possible that the evolving consciousness may pass on [to rebirth] in the imperturbable.

This, bhikkhus, is declared to be the second way directed to the imperturbable. [263]

5. "Again, bhikkhus, a noble disciple considers thus:¹⁰¹³ 'Sensual pleasures here and now and sensual pleasures in lives to come, sensual perceptions here and now and sensual perceptions in lives to come, material forms here and now and material forms in lives to come, perceptions of forms here and now and perceptions of forms in lives to come — both alike are impermanent.

What is impermanent is not worth delighting in, not worth welcoming, not worth holding to.'

When he practises in this way and frequently abides thus, his mind acquires confidence in this base.

Once there is full confidence, he either attains to the

tại hay thiên nặng về trí tuệ.

Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Bất động.

Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích Bất động.

Vô hữu xứ

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại... và những sắc tưởng tương lai, và những bất động tưởng, tất cả tưởng,

chỗ nào các tưởng ấy được đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là vô sở hữu".

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó).

Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ.

Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

imperturbable now or else he resolves [upon it] with wisdom.

On the dissolution of the body, after death, it is possible that the evolving consciousness may pass on [to rebirth] in the imperturbable.

This, bhikkhus, is declared to be the third way directed to the imperturbable.

(THE BASE OF NOTHINGNESS)

6. "Again, bhikkhus, a noble disciple considers thus:¹⁰¹⁴ 'Sensual pleasures here and now and sensual pleasures in lives to come, sensual perceptions here and now and sensual perceptions in lives to come, material forms here and now and material forms in lives to come, perceptions of forms here and now and perceptions of forms in lives to come, and perceptions of the imperturbable — all are perceptions.

Where these perceptions cease without remainder, that is the peaceful, that is the sublime, namely, the base of nothingness.'

When he practises in this way and frequently abides thus, his mind acquires confidence in this base.

Once there is full confidence, he either attains to the base of nothingness now or else he resolves [upon it] with wisdom.

On the dissolution of the body, after death, it is possible that the evolving consciousness may pass on [to rebirth] in the base of nothingness.

This, bhikkhus, is declared to be the first way directed to the base of nothingness.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đi đến khu rừng hay đi đến dưới gốc cây và suy nghĩ như sau: "Trống không là tự ngã hay ngã này sở hữu".

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó).

Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ.

Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Ta không có bất cứ chỗ nào, cho ai và trong hình thức nào, và sở thuộc của ta không có bất cứ chỗ nào, cho ai và trong hình thức nào".

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong trú xứ (của nó).

Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ.

Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

7. "Again, bhikkhus, a noble disciple, gone to the forest or to the root of a tree or to an empty hut, considers thus: 'This is void of a self or of what belongs to a self.'¹⁰¹⁵

When he practises in this way and frequently abides thus, his mind acquires confidence in this base.

Once there is full confidence, he either attains to the base of nothingness now or else he resolves [upon it] with wisdom.

On the dissolution of the body, after death, it is possible that the evolving consciousness may pass on [to rebirth] in the base of nothingness.

This, bhikkhus, is declared to be the second way directed to the base of nothingness.

8. "Again, bhikkhus, a noble disciple considers thus: 'I am not anything belonging to anyone anywhere, [264] nor is there anything belonging to me in anyone anywhere.'¹⁰¹⁶

When he practises in this way and frequently abides thus, his mind acquires confidence in this base.

Once there is full confidence, he either attains to the base of nothingness now or else he resolves [upon it] with wisdom.

On the dissolution of the body, after death, it is possible that the evolving consciousness may pass on [to rebirth] in the base of nothingness.

This, bhikkhus, is declared to be the third way directed to the base of nothingness.

Phi tưởng, phi phi tưởng xứ

Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại.. và những sắc tưởng và những Bất động tưởng, và những Vô sở hữu xứ tưởng, tất cả các tưởng,

chỗ nào các tưởng ấy được đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ".

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong trú xứ (của nó).

Với tâm an tịnh vị ấy có thể thành tựu Phi tưởng phi phi tưởng xứ ngay trong hiện tại, hoặc thiên nặng về trí tuệ.

Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hành đạo về lợi ích Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Niết-bàn

Khi được nói như vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

(THE BASE OF NEITHER-PERCEPTION-NOR-NON-PERCEPTION)

9. "Again, bhikkhus, a noble disciple considers thus: 'Sensual pleasures here and now and sensual pleasures in lives to come, sensual perceptions here and now and sensual perceptions in lives to come, material forms here and now and material forms in lives to come, perceptions of forms here and now and perceptions of forms in lives to come, perceptions of the imperturbable, and perceptions of the base of nothingness — all are perceptions.

Where these perceptions cease without remainder, that is the peaceful, that is the sublime, namely, the base of neither-perception-nor-non-perception.'

When he practises in this way and frequently abides thus, his mind acquires confidence in this base.

Once there is full confidence, he either attains to the base of neither-perception-nor-non-perception now or else he resolves [upon it] with wisdom.

On the dissolution of the body, after death, it is possible that the evolving consciousness may pass on [to rebirth] in the base of neither-perception-nor-non-perception.

This, bhikkhus, is declared to be the way directed to the base of neither-perception-nor-non-perception."

(NIBBĀNA)

10. When this was said, the venerable Ānanda said to the Blessed One:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu trước không có như vậy, thời có thể không là của ta; nếu nay không có như vậy thời có thể sẽ không là của ta.

Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có".

Và như vậy vị ấy được xả. Bạch Thế Tôn, một vị Tỷ-kheo như vậy có chứng được cứu cánh Niết-bàn không?

-- Ở đây, này Ānanda, một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở đây, một số Tỷ-kheo có thể không chứng được cứu cánh Niết-bàn.

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở đây, một số Tỷ-kheo có thể không chứng được cứu cánh Niết-bàn?

-- Ở đây, này Ānanda, một Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu trước không có như vậy thời có thể không là của ta. Nếu nay không có như vậy, thời có thể sẽ không là của ta.

Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có".

Và như vậy vị ấy được xả. Vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy. Do vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy, thức lệ thuộc xả ấy và thủ trước xả ấy.

Có thủ trước, này Ānanda, vị Tỷ-kheo không chứng cứu cánh Niết-bàn.

-- Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo ấy thủ trước là thủ trước chỗ nào?

"Venerable sir, here a bhikkhu is practising thus: 'It might not be, and it might not be mine; it will not be, and it will not be mine.

What exists, what has come to be, that I am abandoning.'

Thus he obtains equanimity.¹⁰¹⁷ Venerable sir, does such a bhikkhu attain Nibbāna?"

"One bhikkhu here, Ānanda, might attain Nibbāna, another bhikkhu here might not attain Nibbāna."

"What is the cause and reason, venerable sir, why one bhikkhu here might attain Nibbāna, while another bhikkhu here might not attain Nibbāna?"

"Here, Ānanda, a bhikkhu is practising thus: 'It might not be, and it might not be mine; it will not be, and it will not be mine.

What exists, [265] what has come to be, that I am abandoning.'

Thus he obtains equanimity. He delights in that equanimity, welcomes it, and remains holding to it. As he does so, his consciousness becomes dependent on it and clings to it.

A bhikkhu with clinging, Ānanda, does not attain Nibbāna."¹⁰¹⁸

11. "But, venerable sir, when that bhikkhu clings, what does he cling to?"

-- Này Ānanda, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

-- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng?

-- Này Ānanda, Vị Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng. Này Ānanda, đây là thủ trước tối thượng, tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu (trước) không có như vậy thì có thể không là của ta. Nếu (nay) không có như vậy, thì có thể không là của ta.

Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có".

Như vậy, vị ấy được xả, vị ấy không hoan hỷ trong xả ấy, không hoan nghênh, không chấp trước xả ấy. Do vị ấy không hoan hỷ trong xả ấy, không hoan nghênh, không thủ trước xả ấy, thức không lệ thuộc xả ấy và không thủ trước xả ấy.

Không thủ trước, này Ānanda, vị Tỷ-kheo chứng cứu cánh Niết-bàn.

-- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Chính mười y cứ sự này sự kia, bạch Thế Tôn, sự vượt thoát dòng nước mạnh đã được Thế Tôn nói lên.

Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Thánh giải thoát?

-- Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như

"To the base of neither-perception-nor-non-perception, Ānanda."

"When that bhikkhu clings, venerable sir, it seems he clings to the best [object of] clinging."

"When that bhikkhu clings, Ānanda, he clings to the best [object of] clinging; for this is the best [object of] clinging, namely, the base of neither-perception-nor-non-perception."¹⁰¹⁹

12. "Here, Ānanda, a bhikkhu is practising thus: 'It might not be, and it might not be mine; it will not be, and it will not be mine.

What exists, what has come to be, that I am abandoning.'

Thus he obtains equanimity. He does not delight in that equanimity, welcome it, or remain holding to it. Since he does not do so, his consciousness does not become dependent on it and does not cling to it.

A bhikkhu without clinging, Ānanda, attains Nibbāna."

13. "It is wonderful, venerable sir, it is marvellous! The Blessed One, indeed, has explained to us the crossing of the flood in dependence upon one support or another."¹⁰²⁰

But, venerable sir, what is noble liberation?"¹⁰²¹

"Here, Ānanda, a noble disciple considers thus:

sau:

"Những dục hiện tại và những dục tương lai,
những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai,
những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai,

những Bất động tưởng,
những Vô sở hữu xứ tưởng,
và những Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng,
cái gì thuộc tự thân, là tự thân.

Đây là bất tử tức là tâm giải thoát không thủ trước".

Này Ānanda, đây là đạo lộ về lợi ích Bất động được Ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Vô sở hữu xứ được Ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Phi tưởng phi phi tưởng xứ được Ta thuyết giảng, là sự vượt qua dòng nước mạnh do y cứ sự này sự kia được Ta thuyết giảng, Thánh giải thoát được Ta thuyết giảng.

Những gì, này Ānanda, vị Đạo sư cần phải làm, vì lòng từ mẫn mưu tìm hạnh phúc cho các đệ tử, những điều ấy đã được Ta làm, vì lòng từ mẫn của Ta đối với Ông.

Này Ānanda, đây là những gốc cây, đây là những khoảng trống. Hãy tu Thiền, này Ānanda, chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau. Đây là lời dạy của Ta cho Ông.

'Sensual pleasures here and now and sensual pleasures in lives to come,
sensual perceptions here and now and sensual perceptions in lives to come,
material forms here and now and material forms in lives to come,
perceptions of forms here and now and perceptions of forms in lives to come,

perceptions of the imperturbable,
perceptions of the base of nothingness,
and perceptions of the base of neither-perception-nor-non-perception —
this is identity as far as identity extends.¹⁰²²

This is the Deathless, namely, the liberation of the mind through not clinging.¹⁰²³

14. "Thus, Ānanda, I have taught the way directed to the imperturbable, I have taught the way directed to the base of nothingness, I have taught the way directed to the base of neither-perception-nor-non-perception,
I have taught the crossing of the flood in dependence upon one support or another, I have taught noble liberation.

15. "What should be done for his disciples out of compassion by a teacher who seeks their welfare and has compassion for them, [266] that I have done for you, Ānanda.

There are these roots of trees, these empty huts. Meditate, Ānanda, do not delay, or else you will regret it later. This is our instruction to you."

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

That is what the Blessed One said. The venerable Ānanda was satisfied and delighted in the Blessed One's words.

Notes

The bracketed numbers [] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society's edition of the *Majjhima Nikāya* (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the Sutta Nipāta).

1007. See n.1000. Here, too, the term “imperturbable” seems to comprise only the fourth jhāna and the two lower immaterial attainments.

1008. MA says both objective sensual pleasures and sensual defilements are intended.

1009. MA glosses: “having transcended the sense-sphere world and having determined with a mind that has jhāna as its objective.”

1010. MA explains the phrase “his mind acquires confidence in this base” to mean that he attains either insight aimed at reaching arahantship or the access to the fourth jhāna. If he gains access to the fourth jhāna, this becomes his basis for attaining “the imperturbable,” i.e., the fourth jhāna itself. But if he gains insight, then “he resolves [upon it] with wisdom” by deepening his insight in order to reach arahantship. The expression “resolution with wisdom” may explain why so many of the following sections of this sutta, though culminating in attainments along the scale of concentration, are expressed in phrasing appropriate to the development of insight.

1011. MA explains that this passage describes the rebirth process of one who could not realise arahantship after reaching the fourth jhāna. The “evolving consciousness” (*sarṇvattanikaṃ vinnāṇaṃ*) is the resultant consciousness by which this person is reborn, and this has the same imperturbable nature as the kammically formative consciousness that attained to the fourth jhāna. Since it is the fourth-jhāna consciousness that determines rebirth, this person will be reborn in one of the exalted realms corresponding to the fourth jhāna.

1012. MA says that this is the reflection of one who has attained the fourth jhāna. Since he includes material form among the things to be transcended, if he attains to the imperturbable he reaches the base of infinite space, and if he does not attain arahantship he is reborn in the plane of infinite space.

1013. MA says that this is the reflection of one who has attained the base of infinite space. If he attains to the imperturbable, he reaches the base of infinite consciousness and is reborn in that plane if he does not reach arahantship.

1014. This is the reflection of one who has attained the base of infinite consciousness and aims at attaining the base of nothingness.

1015. MA calls this two-pointed voidness—the absence of “I” and “mine”—and says that this teaching of the base of nothingness is expounded by way of insight rather than concentration, the approach taken in the previous section.

At MN 43.33, this contemplation is said to lead to the deliverance of mind through voidness.

1016. MA calls this four-pointed voidness and explains thus: (i) he does not see his self anywhere; (ii) he does not see a self of his own that can be treated as something belonging to another, e.g., as a brother, friend, assistant, etc.; (iii) he does not see the self of another; (iv) he does not see the self of another that can be treated as something belonging to him. Ms has a note by Ñm: “These expressions [in this paragraph and the next] seem to have been stereotyped slogans or descriptions of the attainments of nothingness and neither-perception-nor-non-perception, primarily non-Buddhist, and sometimes used as a basis for the existing-body [=identity] view.” See Ñm’s note 19 to Vsm XXI, 53 for further discussion and other references.

1017. MA glosses: “If the round of kamma had not been accumulated by me, now there would not be for me the round of results; if the round of kamma is not accumulated by me now, in the future there will not be the round of results.” “What exists, what has come to be” are the five aggregates. The first part of the formula again seems to be a condensed formulation of a view held by non-Buddhists. Several suttas identify it as an expression for the annihilationist view, adapted by the Buddha with new meanings assigned to it. For other occurrences of this formula, see SN iii.55–56, 99, 183, 206; AN iv.69–72, v.63.

MA says that he obtains the equanimity of insight, but from §11 it seems that the equanimity of the base of neither-perception-nor-non-perception is also intended.

1018. There is word play here that cannot be successfully reproduced in translation. The verb *parinibbāyati*, rendered “to attain Nibbāna,” is also applied to the going out of a fire. The attainment of Nibbāna is thus the “going out” of the fires of lust, hatred, and delusion. *Upādāna*, “clinging,” also designates the fuel which a fire consumes. Thus consciousness continues on in the round of rebirths so long as it is sustained by the fuel of clinging. When the defilements are extinguished, there is no more fuel for consciousness to burn, and thus the bhikkhu without clinging “goes out” by the attainment of Nibbāna. The subtlest object of clinging, thus the subtlest fuel (as the following exchange will show), is the base of neither-perception- nor-non-perception.

1019. MA: This is said with reference to the rebirth of one who attains the base of neither-perception-nor-non-perception. The meaning is that he takes rebirth in the best, the highest, plane of existence.

1020. *Nissāya nissāya oghassa nittharaṇā*. MA: The Buddha has explained the crossing of the flood for a bhikkhu who uses as the basis (for reaching arahantship) any of the attainments from the third jhāna up to the fourth immaterial attainment.

1021. MA: Ānanda’s question is intended to elicit from the Buddha an account of the practice of the dry-insight meditator (*sukkhavipassaka*), who attains arahantship without depending on a jhānic attainment.

1022. *Esa sakkāyo yāvatā sakkāyo*. MA: This is the personal identity in its entirety—the round of the three

realms of existence; there is no personal identity outside of this.

1023. MA says that the arahantship of the dry-insight meditator is intended. MṬ adds that arahantship is called “the Deathless” because it has the flavour of the Deathless, being attained on the basis of Nibbāna the Deathless.